

Số: 42/2016/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công do tỉnh quản lý

TƯ PHÁP TỈNH CÀ MAU
ÔNG VĂN ĐẾN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Nº 42
18/12/2016

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công do tỉnh quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: QH-XD (Ng 07/12), TH (Ch);
- Lưu: VT. Tr 109/12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quân

QUY CHẾ

Phối hợp trong việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công do tỉnh quản lý
(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng, nguyên tắc và trách nhiệm của các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong việc phối hợp lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công do tỉnh quản lý.

Các hoạt động khác có liên quan đến công tác lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công do tỉnh quản lý không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến chương trình, dự án đầu tư công; các đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công; các chủ đầu tư chương trình, dự án đầu tư công và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo công tác quản lý nhà nước về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công do tỉnh quản lý chặt chẽ, đúng trình tự thủ tục và đảm bảo yêu cầu về thời gian theo quy định.

2. Việc phối hợp tổ chức thực hiện dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được pháp luật quy định.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan khi thực hiện công tác phối hợp phải cử người có trách nhiệm (trong trường hợp tổ chức họp thẩm định) hoặc trả lời bằng văn bản theo đúng thời hạn và chịu trách nhiệm về nội dung phối hợp; trường hợp được đề nghị nhưng không có ý kiến thì được xem là đồng ý và phải chịu trách nhiệm về nội dung được đề nghị phối hợp.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 4. Chương trình đầu tư sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương

1. Các Chủ chương trình:

a) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Giao đơn vị có chức năng hoặc thành lập Hội đồng để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

c) Hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Đối với từng chương trình cụ thể, tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định hoặc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn hoàn thành đúng thời hạn quy định;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan:

a) Cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trả lời bằng văn bản (trong trường hợp tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản) đúng thời hạn theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 5. Dự án nhóm A (bao gồm cả các dự án khẩn cấp; dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi)

1. Các đơn vị được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

a) Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Đối với từng dự án cụ thể, tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối hoàn thành đúng thời hạn quy định;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đơn vị được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định);

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan: Cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 6. Chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A

1. Các đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có công văn kèm Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan: Phối hợp với đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư khi được lấy ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

Điều 7. Chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản

1. Các đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có công văn kèm Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về chủ trương đầu tư;

b) Tùy vào quy mô, tính chất, nội dung của từng chương trình, dự án cụ thể, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định thông qua hình thức tổ chức Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản (nội dung này chỉ thực hiện đối với chương trình, dự án đầu tư; không áp dụng đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án);

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan:

a) Cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trả lời bằng văn bản (trong trường hợp tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản) đúng thời hạn theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 8. Dự án nhóm B và nhóm C sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do địa phương quản lý (trừ dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại Điều 13 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ)

1. Các đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn hoàn thành đúng thời hạn quy định;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định (Riêng đối với dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C, tham mưu trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư);

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C; Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm C (trừ dự án trọng điểm nhóm C).

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan:

a) Cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thẩm định (trong trường hợp tổ chức họp thẩm định) không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trả lời bằng văn bản (trong trường hợp tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản) không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 9. Dự án nhóm B và nhóm C sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương (trừ dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại Điều 13 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ)

1. Các đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Giao đơn vị có chức năng hoặc thành lập Hội đồng để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

c) Hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn hoàn thành đúng thời hạn quy định;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C; Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C (trừ dự án trọng điểm nhóm C).

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan:

a) Cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thẩm định (trong trường hợp tổ chức họp thẩm định) không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trả lời bằng văn bản (trong trường hợp tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản) không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 10. Dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia có kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp

1. Các đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn thành đúng thời hạn quy định;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ;

d) Tham mưu trình cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan: Tham gia góp ý kiến bằng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 11. Dự án khẩn cấp nhóm B và nhóm C sử dụng vốn ngân sách Trung ương

1. Các đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn thành đúng thời hạn quy định;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan: Cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thẩm định (trong trường hợp tổ chức họp thẩm định) hoặc trả lời bằng văn bản (trong trường hợp tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản) đúng thời hạn theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 12. Dự án khẩn cấp nhóm B và nhóm C sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương

1. Các đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Tổ chức khảo sát thực tế và lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn thành đúng thời hạn quy định;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất về quyết định chủ trương đầu tư dự án khẩn cấp nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan: Cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thẩm định (trong trường hợp tổ chức họp thẩm định) hoặc trả lời bằng văn bản (trong trường hợp tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản) đúng thời hạn theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 13. Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư

1. Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư có sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định tại các Điều 5, 6, 8, 9, 14 của Quy chế này.

2. Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư không sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Điều 14. Dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển Nhà nước

1. Dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển Nhà nước nhóm A thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2. Dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển Nhà nước nhóm B, nhóm C thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 15. Chương trình đầu tư sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương

1. Chủ chương trình:

- a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình;
- b) Tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình theo ý kiến của Hội đồng thẩm định;
- d) Dự thảo Quyết định đầu tư chương trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- a) Tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình theo quy định, đảm bảo hoàn thành đúng thời hạn quy định;
- b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định đầu tư chương trình.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan: Cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 16. Dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng

1. Chủ đầu tư:

- a) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình cơ quan có thẩm quyền.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- a) Đối với dự án nhóm A: Tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định và hoàn thành đúng thời hạn quy định;

b) Đối với dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C, nhóm C: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan để thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án hoàn thành đúng thời hạn quy định;

c) Tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư dự án theo quy định.

3. Các cơ quan cấp dưới trực tiếp được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư dự án: Quyết định đầu tư dự án được phân cấp hoặc ủy quyền của cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan:

a) Cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trả lời bằng văn bản (trong trường hợp tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản) không quá 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và không quá 07 ngày làm việc đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 17. Dự án đầu tư có cấu phần xây dựng

1. Cơ quan chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án:

a) Tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, Luật Đầu tư công và hoàn thành đúng thời hạn quy định;

b) Gửi chủ đầu tư, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo thẩm định theo quy định tại điểm a Điều này;

c) Quyết định đầu tư dự án được phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan để thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (nếu có); thẩm định toàn bộ dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp sử dụng vốn đầu tư công (trừ dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước) có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng do cấp tỉnh quản lý; tổng hợp kết quả thẩm định gửi chủ đầu tư đúng thời hạn quy định;

b) Rà soát sự phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối các nguồn vốn, tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định xem xét, quyết định đầu tư dự án.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan: Tham gia ý kiến bằng văn bản trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và không quá 07 ngày làm việc đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm định.

Điều 18. Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư

Thực hiện theo quy định tại Điều 16, 17 của Quy chế này.

Điều 19. Quyết định đầu tư điều chỉnh chương trình, dự án

1. Chủ chương trình, chủ đầu tư dự án:

a) Tổ chức đánh giá toàn bộ tình hình thực hiện chương trình, dự án đầu tư công đến thời điểm đề xuất điều chỉnh; báo cáo kết quả đánh giá chương trình, dự án đầu tư công đến cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư;

b) Giao cơ quan chuyên môn lập Báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công.

c) Tổ chức thẩm định nội bộ việc điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công;

d) Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định theo quy định tại điểm c khoản này, hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công. Riêng trong trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án có điều chỉnh tổng mức đầu tư:

- Chủ chương trình, chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính Báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

- Chủ chương trình, chủ đầu tư dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư gửi cơ quan có thẩm quyền Báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

đ) Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định theo quy định tại điểm d Khoản này, hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án theo ý kiến thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chương trình, dự án.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án:

a) Tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, Luật Đầu tư công, hoàn thành đúng thời hạn quy định;

b) Trình cấp thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư điều chỉnh chương trình, dự án hoặc phê duyệt quyết định đầu tư điều chỉnh chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan: Cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thẩm định hoặc trả lời bằng văn bản (trong trường hợp tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản) đúng thời hạn theo đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công do tỉnh quản lý có trách nhiệm thực hiện tốt Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quân